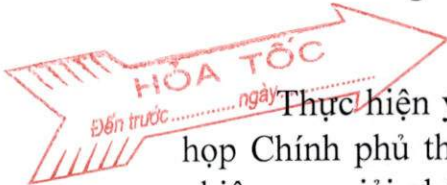


BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 10291/BKHDĐT-THV/v hoàn thiện dự thảo Nghị quyết số
01/NQ-CP năm 2025Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ



Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11 về việc hoàn thiện dự thảo Nghị quyết về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Quý Cơ quan dự thảo Nghị quyết (*gửi kèm theo văn bản này*) để rà soát, có ý kiến và sửa trực tiếp; trong đó lưu ý:

- Đối với các nhiệm vụ, chỉ tiêu ngành, lĩnh vực đề ra phải đảm bảo phù hợp, đúng nguyên tắc: **(i)** Không phải là các nhiệm vụ thường xuyên thuộc lĩnh vực chuyên ngành; **(ii)** Có căn cứ cơ sở pháp lý hoặc là chủ trương, định hướng lớn được đề ra tại các nghị quyết, kết luận, chương trình công tác, chương trình hành động... của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ.

- Đối với mỗi nhóm nhiệm vụ, giải pháp tại phần lời dự thảo Nghị quyết và Phụ lục số 4 của dự thảo Nghị quyết: đề nghị rà soát, nêu rõ hơn những nhiệm vụ, giải pháp triển khai cụ thể, mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu, thời gian trình...

- Đối với chỉ tiêu cụ thể các ngành, lĩnh vực tại Phụ lục số 3 của dự thảo Nghị quyết: đề nghị rà soát, bổ sung thêm các chỉ tiêu cần thiết khác (nêu rõ căn cứ đề xuất bổ sung) hoặc làm rõ lý do đối với các chỉ tiêu không tiếp tục đề xuất.

Do thời gian rất gấp, đề nghị Quý Cơ quan khẩn trương có ý kiến gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản và qua thư điện tử¹ **trong ngày 13/12/2024** để kịp tổng hợp, hoàn thiện, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./. *HC***Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&ĐT: các đơn vị thuộc Bộ (để tham gia ý kiến);
- Lưu: VT, Vụ TH. *3*

KT. BỘ TRƯỞNG**THỦ TRƯỞNG***Trần Quốc Phương*
Trần Quốc Phương¹ Email: thktxh@mpi.gov.vn

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/NQ-CP

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025,

QUYẾT NGHỊ:

Năm 2024, trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, nỗ lực của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng, tình hình kinh tế - xã hội nước ta đã khẳng định sự phục hồi rõ nét, tháng sau tốt hơn tháng trước, tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước, đạt được mục tiêu tổng quát đề ra và nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện, có khả năng đạt và vượt toàn bộ 15 chỉ tiêu Quốc hội đề ra. Tốc độ tăng trưởng đạt khoảng 7%, thuộc nhóm ít các nước tăng trưởng cao trong khu vực, thế giới và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Lạm phát dưới 4%, là tốc độ tăng rất tích cực trong bối cảnh thực hiện tăng lương từ ngày 01/7/2024 và điều chỉnh giá điện, học phí... Thu ngân sách cả năm ước vượt 10% so với dự toán; xuất siêu ước đạt... tỷ USD; kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm, bội chi ngân sách, nợ công, nợ Chính phủ thấp hơn nhiều phạm vi cho phép. Việc thực hiện 03 đột phá chiến lược về thể chế, kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực đạt nhiều kết quả rõ nét. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường được chú trọng, đời sống tinh thần, vật chất của Nhân dân tiếp tục được nâng lên; kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; độc lập, chủ quyền quốc gia được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhất là đối ngoại cấp cao được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả quan trọng, tiếp tục củng cố, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tăng tốc, bứt phá, về đích, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, năm

tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, là năm chuẩn bị, củng cố các yếu tố nền tảng, làm tiền đề để nước ta tự tin bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình giàu mạnh, thịnh vượng của dân tộc, hướng tới thực hiện thắng lợi mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030. Trong khi đó, tình hình thế giới, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến rất phức tạp, khó lường; kinh tế thế giới phục hồi chậm, không đồng đều, rủi ro gia tăng. Nền kinh tế nước ta dự báo duy trì đà tăng trưởng tích cực, có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập nội tại đã kéo dài nhiều năm, bão lũ, hạn hán, xâm nhập mặn...

I. CHỦ ĐỀ, QUAN ĐIỂM, TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 theo Kết luận, yêu cầu của Trung ương, Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương trong chỉ đạo, điều hành, quản lý phải hướng tới mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế 8% (mục tiêu Quốc hội đề ra là 6,5-7%, phấn đấu 7-7,5%), tất cả các động lực phát triển, nhất là các địa phương động lực, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh phải đạt mục tiêu tăng trưởng 8% trở lên; tập trung cao độ để khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thách thức, giữ vững tinh thần đoàn kết, tự lực, tự cường, phát huy mạnh mẽ quyết tâm đổi mới, đột phá, sáng tạo, sự chủ động, dám nghĩ, dám làm theo chủ đề ***“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tinh gọn hiệu quả; tạo đà bứt phá”*** với 06 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành, gồm:

1. Bám sát, thực hiện quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, đạt kết quả cao nhất các quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, các Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, trong đó chú trọng 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 12 nhóm giải pháp chủ yếu. Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; chủ động, tích cực chuẩn bị, tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng; tập trung tổng kết, đánh giá các Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và xây dựng các Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030.

2. Lấy phát triển để duy trì ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển; tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, phát triển mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... Chủ động nắm bắt, khai thác hiệu quả các cơ hội, thời cơ từ bên ngoài và bên trong nền kinh tế; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Xác định đột phá về thể chế là “đột phá của đột phá”, phải đi sớm, đi trước mở đường cho đột phá phát triển; đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa phục vụ yêu cầu quản lý, vừa thúc đẩy phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, giải phóng mọi nguồn lực để thúc đẩy phát triển đất nước. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền triệt để, bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ thời hạn, rõ trách nhiệm, rõ kết quả” gắn với tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát, kiểm soát quyền lực, nâng cao năng lực thực thi.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tập trung đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả” và có cơ chế, chính sách đột phá bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

5. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, các ngành, lĩnh vực mới đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

6. Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế, ngoại giao kinh tế để kiến tạo thời cơ, cơ hội, thuận lợi mới cho phát triển; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông chính sách, tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong Nhân dân.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật, tháo gỡ các điểm nghẽn; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp

a) Thể chế hoá kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng; các nghị quyết, kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội. Tập trung xây dựng, bảo đảm tiến độ chất lượng các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, nhất là các dự luật có vai trò quan trọng trọng việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tạo lập môi trường thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số, bảo đảm thông thoáng, kiến tạo phát triển với tư duy đổi mới “vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển, huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển, tạo không gian phát triển mới”. Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và ban hành theo thẩm quyền kịp thời các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 8, nhất là các dự án luật (sửa đổi) và các dự án một luật sửa nhiều luật về đầu tư, quy hoạch, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đấu thầu, ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công, dự trữ

quốc gia, kế toán, kiểm toán độc lập, chứng khoán, quản lý thuế... bảo đảm việc áp dụng các Luật ngay sau khi có hiệu lực thi hành. Chủ động, tích cực, khẩn trương xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế khuyến khích cho những vấn đề mới, dự án công nghệ cao, quy mô lớn, xu hướng mới, tạo khung khổ pháp lý cho chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn.

Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả hoạt động rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tháo gỡ chông chéo, không thống nhất hoặc chưa đầy đủ theo hướng vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó chủ động, đề xuất sửa đổi, hoàn thiện. Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật, nhất là đối với những nội dung, vấn đề phức tạp, có tính liên ngành. Triển khai hiệu quả vai trò Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương rà soát các vướng mắc pháp lý. Theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động, phối hợp, nghiên cứu, xem xét ban hành nghị quyết thí điểm đối với những vấn đề mới phát sinh, chưa có quy định hoặc đã có nhưng không còn phù hợp, đã được cấp có thẩm quyền cho ý kiến.

Tăng cường kỷ luật, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành trong công tác xây dựng pháp luật, gắn kết chặt chẽ với thi hành pháp luật. Trung ương, Chính phủ, Quốc hội giữ vai trò kiến tạo, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; không để đùn đẩy trách nhiệm, kiên quyết xóa bỏ cơ chế “xin - cho”.

Chú trọng nâng cao vai trò, năng lực, tính chuyên nghiệp, chất lượng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính trong quản lý công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, lý lịch tư pháp, nuôi con nuôi, bảo trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý; thực hiện tốt công tác trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hòa giải ở cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tăng cường phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, hoạt động của chính quyền cơ sở, trong hệ thống chính trị cấp thôn, bản để người dân dễ tiếp cận; kết nối, đẩy mạnh hoạt động trợ giúp pháp lý trong các chương trình, chính sách về an sinh xã hội. Tiếp tục triển khai hiệu quả công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý, chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo đồng thuận xã hội.

Tăng cường chủ động thực hiện các giải pháp phòng ngừa, nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện trọng hoạt động đầu tư quốc tế theo Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 21/5/2024 của Ban Bí thư.

b) Tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, không để phát sinh thủ tục, quy định kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật mới không phù hợp, làm tăng chi phí, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

c) Xây dựng thể chế, tạo khung khổ pháp lý phát triển nhanh, lành mạnh, hiệu quả các loại thị trường (tài chính, chứng khoán, khoa học công nghệ, khởi

nghiệp, đổi mới sáng tạo, lao động, bất động sản...). Tổng kết các cơ chế, chính sách đặc thù, mô hình thí điểm để luật hóa gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng.

(Đề nghị Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan trung ương bổ sung)

2. Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đồng thời giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn

a) Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hài hòa chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các chính sách khác; trong đó điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; điều hành chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng.

Thực hiện các giải pháp tín dụng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng, phù hợp với khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Phấn đấu hạ lãi suất cho vay, tăng trưởng tín dụng trên 15%. Theo dõi sát thị trường vàng, triển khai các giải pháp ổn định thị trường vàng theo quy định pháp luật.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách nhà nước; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu, chi ngân sách nhà nước; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời; cơ cấu lại nguồn thu bảo đảm tính bền vững, mở rộng cơ sở thu và chống chuyển giá, trốn thuế, quản lý hiệu quả các nguồn thu phát sinh từ các giao dịch thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, giao dịch xuyên biên giới; đôn đốc thu hồi các khoản nợ đọng thuế, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm 2025 cao hơn khoảng 10% so với ước thực hiện năm 2024. Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi tăng thêm dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 để dành tăng thêm cho chi đầu tư phát triển hạ tầng chiến lược; kiểm soát bội chi, nợ công trong giới hạn an toàn, hợp lý, đồng thời nghiên cứu, xem xét tận dụng dư địa về nợ công, nợ chính phủ, bội chi để huy động thêm nguồn lực cho phát triển. Nghiên cứu, đánh giá, để xem xét việc kéo dài các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất... hỗ trợ tăng trưởng, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh.

Triển khai hiệu quả Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, đảm bảo niềm tin của nhà đầu tư, duy trì sự hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam. Phát triển mạnh mẽ thị trường tài chính, thị trường vốn để huy động nguồn lực cho nền kinh tế, năm 2025 phấn đấu nâng hạng thị trường chứng khoán. Triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững.

(Đề nghị NHNN, Bộ Tài chính bổ sung)

b) Phát triển mạnh thị trường trong nước; triển khai các hoạt động kết nối cung cầu và xúc tiến thương mại thị trường trong nước; tổng mức bán lẻ hàng hóa

và doanh thu dịch vụ đạt khoảng 7.404 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 9% so với năm 2024. Theo dõi sát tình hình thị trường, thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa nhất là trong các dịp cao điểm Lễ, Tết, làm tiền đề triển khai các giải pháp kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy thương mại trong nước không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá. Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Thực hiện tốt công tác chống gian lận xuất xứ hàng hóa; chủ động hoàn thiện hệ thống phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước, đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế. Có giải pháp quản lý, điều tiết sản xuất, ổn định cung cầu các mặt hàng thiết yếu tác động lớn đến kinh tế - xã hội, sản xuất trong nước và quyền lợi người tiêu dùng.

Nâng cao chất lượng các loại dịch vụ, nhất là dịch vụ ăn uống, lưu trú, du lịch nội địa; tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế. Năm 2025, phấn đấu đón 20 triệu lượt khách du lịch quốc tế, phục vụ 118 triệu lượt khách du lịch nội địa; ước đạt tổng thu từ khách du lịch khoảng 1.020 nghìn tỷ đồng.

(Đề nghị Bộ VHTTDL, Bộ Công Thương bổ sung)

c) Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, kịp thời hơn nữa để tháo gỡ thể chế, sớm khắc phục các điểm nghẽn, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2025, đặc biệt là các dự án quan trọng quốc gia, các công trình trọng điểm và các Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó ưu tiên bố trí thêm từ nguồn tăng thu NSNN năm 2024 cho dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông và một số dự án khác triển khai tốt có nhu cầu bổ sung vốn. Tăng cường phân cấp, phân quyền nhiều hơn nữa và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún. Kiên quyết thu hồi vốn đã bố trí cho các dự án không triển khai theo kế hoạch phê duyệt hoặc các dự án chưa thực sự cần thiết, đầu tư chưa phát huy hiệu quả, kiên quyết loại bỏ những dự án không thật sự cần thiết; ưu tiên bố trí nguồn lực của ngân sách nhà nước cả Trung ương và địa phương thực hiện các công trình kết nối các tỉnh, kết nối vùng, kết nối quốc gia, quốc tế, nhất là kết nối các trung tâm kinh tế và các địa phương là cực tăng trưởng; các địa phương chủ động tự cân đối nguồn lực của địa phương để đầu tư các dự án kết nối vùng thuộc phạm vi tỉnh với tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các chương trình mục tiêu quốc gia.

Xây dựng cơ chế hiệu quả thu hút vốn đầu tư nước ngoài có chọn lọc, trong một số lĩnh vực có tiềm năng, tạo sự bứt phá, động lực mới cho tăng trưởng như chip, bán dẫn, đổi mới sáng tạo, hydrogen xanh.... Tạo điều kiện tối đa và khuyến khích các doanh nghiệp triển khai hoạt động nghiên cứu và phát triển hoặc hợp tác chuyển giao công nghệ tại Việt Nam; lựa chọn các nhà đầu tư tiềm năng trong các lĩnh vực trọng điểm để chủ động tiếp cận trao đổi, mời gọi đầu tư vào Việt Nam.

d) Thúc đẩy xuất khẩu; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hoá chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất và thị trường xuất, nhập khẩu gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu, rộng hơn vào các chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu. Đẩy nhanh tiến độ và nỗ lực kết thúc sớm đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện (CEPA) giữa Việt Nam và UAE. Triển khai đa dạng các hình thức cả trực tiếp và trực tuyến để giới thiệu các lợi thế, ưu đãi từ các FTA đã thực thi để tận dụng tốt cơ hội từ các Hiệp định. Khai thác hiệu quả các cơ hội mở cửa thị trường từ 17 FTA đã ký kết để đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường chủ lực, thị trường lớn; tăng cường khai thác các thị trường mới, thị trường còn tiềm năng, thị trường Halal, phân đấu thắng dư thương mại bền vững. Đảm bảo tiến độ và tiến trình đàm phán nâng cấp Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), đàm phán FTA ASEAN - Canada (ACAFTA), ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) và thực hiện các thủ tục phê chuẩn trong nước để Hiệp định đi vào hiệu lực.

Tiếp tục đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại, trong đó tập trung thúc đẩy ở mức cao nhất chương trình chuyển đổi số trong các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu. Duy trì đều đặn các hội nghị giao ban xúc tiến thương mại với hệ thống Thương vụ Việt Nam ở nước ngoài; thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thị trường nước ngoài; các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của thị trường nước ngoài có thể tác động đến hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam và khuyến nghị đối với các địa phương, hiệp hội và doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

(Đề nghị Bộ Công Thương bổ sung)

đ) Thúc đẩy, tạo đột phá cho các động lực tăng trưởng mới; đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi sản xuất để đáp ứng các tiêu chuẩn mới, tiêu chuẩn xanh, phát thải các-bon, phát triển bền vững (ESG)...; đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy sự hình thành, hoạt động và phát triển của các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số, tạo thêm nhiều “việc làm số”, trong đó có cả những doanh nghiệp hoạt động xử lý phát thải của hoạt động chuyển đổi số để góp phần bảo vệ môi trường. Đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia một cách sâu rộng, toàn diện, bút phá, nhất là xây dựng thể chế số thông thoáng, hạ tầng số hiện đại, nền kinh tế số rộng khắp, nhân lực số chất lượng cao, bảo đảm an ninh, an toàn mạng. Xây dựng, hoàn thiện Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2026-2030.

e) Kịp thời có giải pháp quản lý, điều tiết sản xuất, ổn định cung cầu các mặt hàng, nhất là lương thực, thực phẩm, năng lượng và hàng hóa thiết yếu khác, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, cung ứng đủ điện, xăng dầu trong mọi tình huống. Thực hiện nghiêm các quy định về kê khai giá, niêm yết giá, công khai thông tin về giá.

3. Tăng cường phân cấp, phân quyền cho địa phương, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí,

tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi

a) Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả chủ trương tinh giản, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”; đổi mới, sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Rà soát, nghiên cứu sửa đổi các Luật về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong, bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt, không chồng chéo, trùng lặp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả... Triển khai hiệu quả đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số dịch vụ công nhất là trong các lĩnh vực có điều kiện, đổi mới hình thức cấp ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với sản phẩm, chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

(Đề nghị Bộ Nội vụ bổ sung)

b) Thực hiện nghiêm Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán, Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Thực hiện có hiệu quả Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030. Đẩy mạnh công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, nhất là các kết luận thanh tra do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định của pháp luật về thực hiện kết luận thanh tra, tăng tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản do vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, trọng tâm là các nhiệm vụ thuộc “Đề án xây dựng cơ chế xử lý vật chứng tài sản bị tạm giữ, kê biên, phong tỏa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án, vụ việc”. Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự, thi hành án hành chính năm 2025. Tập trung phòng, chống lãng phí trong toàn xã hội. Khẩn trương rà soát, sửa đổi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đẩy mạnh truyền thông, xây dựng văn hoá tiết kiệm, chống lãng phí.

(Đề nghị Bộ Công an bổ sung)

c) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục hiệu quả tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ sai, sợ trách nhiệm. Có cơ chế, chính sách đột phá để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có nền tảng vững chắc về tư tưởng chính trị, chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, dám nghĩ, dám làm, dám đương đầu với khó khăn, thử thách; có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và dám đưa ra những giải pháp đột phá, nhất là trong xử lý những tình huống phức tạp, hiểm nghèo; có cơ chế, chính sách tạo động lực, bảo vệ cán

bộ, công chức làm việc, cống hiến, vì lợi ích chung.

d) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Đưa hoạt động quản trị nội bộ, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và lãnh đạo bộ, ngành, địa phương lên môi trường số; phát triển hạ tầng số quốc gia, nhất là xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia, xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành. Tiếp tục quyết liệt triển khai thực hiện Đề án 06. Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, thiết kế, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử; mở rộng việc cung cấp trực tuyến đối với các dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ công ích; đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và Bộ phận một cửa các cấp; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Xây dựng và triển khai đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Phân đầu năm 2025, thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN trong xếp hạng chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc.

(Đề nghị Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung)

d) Thực hiện hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, nhất là khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhân sự Đại hội Đảng các cấp.

4. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, ưu tiên công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, hệ thống đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao, các dự án có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số; kết nối hệ thống cao tốc với sân bay, cảng biển và triển khai hệ thống đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị

a) Tập trung nguồn lực, phân đầu hoàn thành mục tiêu cả nước có 3.000 km đường bộ cao tốc vào năm 2025. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thành phần đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025; các dự án quan trọng, động lực như Vành đai 4 Vùng Thủ đô Hà Nội, Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh, cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột, Biên Hoà - Vũng Tàu, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Cao Lãnh - An Hữu, Hoà Liên - Tuý Loan, Cao Lãnh - Lộ Tẻ, Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, các dự án nối thông đường Hồ Chí Minh...; cơ bản hoàn thành Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Đẩy nhanh thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án hạ tầng giao thông chiến lược, quan trọng quốc gia; đặc biệt là các tuyến đường cao tốc giai đoạn 2026 - 2030, kịp thời nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường cao tốc phân kỳ theo quy mô quy hoạch; phân đầu hoàn thành thủ tục và khởi công đầu tư trong năm 2025 đối với tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; chuẩn bị đầu tư tuyến đường sắt Lạng Sơn - Hà Nội, Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng và đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị hoàn thiện

thủ tục đầu tư toàn tuyến dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam.

(Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung)

b) Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn, đặc biệt là trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; bảo đảm nguồn cung nguyên vật liệu, kiểm soát giá nguyên vật liệu, chỉ tiêu sử dụng đất để đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng các dự án cao tốc. Có giải pháp đột phá, thiết thực, hiệu quả tháo gỡ pháp lý phát triển các dự án kết cấu hạ tầng đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đồng thời, báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương, cơ chế, chính sách xử lý một số dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư có tồn tại, vướng mắc. Rà soát, hoàn thiện, bổ sung các định mức xây dựng để phục vụ các dự án trọng điểm của ngành giao thông; suất vốn đầu tư và giá xây dựng tổng hợp để phục vụ công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đặc biệt là suất vốn đầu tư đối với các dự án đường sắt đô thị, đường sắt tốc độ cao. Đánh giá, đề xuất kịp thời các giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong việc xác định giá vật liệu xây dựng tại mỏ theo cơ chế đặc thù.

c) Tập trung thực hiện hiệu quả Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII. Khẩn trương ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Điện lực (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển điện lực, năng lượng tái tạo, hydrogen; khởi động lại điện năng lượng hạt nhân, phù hợp với mục tiêu, quy hoạch, điều kiện, lợi thế phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung hoàn thành thủ tục, khởi công và đưa vào vận hành các dự án điện lớn, quan trọng (Như: LNG Nghi Sơn - Thanh Hóa (1.500 MW), LNG Quỳnh Lập - Nghệ An (1.500 MW). Hoàn thành và đưa vào hoạt động dự án Thủy điện Hòa Bình mở rộng (480 MW), Nhơn Trạch 3, Nhơn Trạch 4, LNG Quảng Ninh (1.500 MW), LNG Thái Bình (1.500 MW), Quảng Trạch 1 (1.430 MW). Triển khai thi công và hoàn thành đường 500 kV Lào Cai - Vĩnh Yên, đường 500 kV Monsoon - Thạch Mỹ để nâng công suất nhập khẩu điện từ Lào, Trung Quốc về Việt Nam).

(Đề nghị Bộ Công Thương bổ sung)

d) Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật số đồng bộ, hiện đại. Thúc đẩy các doanh nghiệp viễn thông đã được cấp phép triển khai cung cấp dịch vụ thông tin di động 5G; năm 2025 xây dựng 35.000 trạm 5G. Tổ chức thực hiện có hiệu lực, hiệu quả Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích. Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật, nhằm đảm bảo chất lượng Internet trên mạng di động 3G, 4G, 5G, chất lượng dịch vụ Internet băng rộng cố định mặt đất sử dụng công nghệ FTTH/xPON, quy định về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông... Phát triển, hoàn thiện, tối ưu hoá các nền tảng theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia. Nâng tỷ lệ sử dụng địa chỉ thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam lên 70% vào năm 2025.

(Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung)

e) Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, trọng tâm là các công trình thủy lợi phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc bảo vệ an toàn cho hệ thống đê điều, hồ đập xung yếu. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thủy sản; thực hiện các dự án hạ tầng phục vụ sản xuất giống nông lâm nghiệp. Nâng cao chất lượng nước công trình cấp nước nhỏ, quy mô hộ gia đình, đảm bảo người dân tại nông thôn được cấp đầy đủ nước sạch; tỉ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn năm 2025 đạt 60%.

(Đề nghị Bộ NNPTNT bổ sung)

5. Tập trung thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế

a) Cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ

- Về công nghiệp: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm các ngành công nghiệp có lợi thế. Ưu tiên phát triển, làm chủ công nghệ mới, các ngành, lĩnh vực công nghiệp mới nổi như chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo... Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển ngành công nghiệp bán dẫn. Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực trong nước. Nghiên cứu xây dựng và triển khai hiệu quả các chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ phụ trợ để tham gia sâu vào quá trình xây dựng, vận hành các tuyến đường sắt kết nối với Trung Quốc và đường sắt cao tốc Bắc - Nam. Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, phát thải các-bon thấp, các loại vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng sử dụng cho các công trình ven biển và hải đảo. Nghiên cứu, xây dựng các chương trình, đề án sử dụng vật liệu thay thế cát tự nhiên (cát nghiền, cát biển, tro, xỉ, thạch cao...).

(Đề nghị Bộ Công Thương bổ sung)

- Về nông nghiệp: Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”; tiếp tục chuyển mạnh tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp. Phát triển trồng trọt tuần hoàn, phát thải các bon thấp, thân thiện với môi trường, đặt sản xuất trồng trọt trong mô hình kinh tế tuần hoàn; triển khai hiệu quả các Đề án trọng điểm như: Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long; Đề án phát triển các cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030; Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030... Đẩy mạnh chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu; tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành

nông nghiệp tốt VietGAP, khuyến khích các mô hình liên kết trong chăn nuôi theo hướng sinh thái, xanh, hữu cơ. Phát triển ngành thủy sản theo hướng giảm dần sản lượng khai thác ven bờ, nâng cao hiệu quả khai thác xa bờ phù hợp với trữ lượng nguồn lợi; khuyến khích phát triển nuôi trồng trên biển theo quy mô công nghiệp; phát triển các vùng nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi an toàn sinh học, nhân rộng các mô hình nuôi theo chuỗi liên kết có hiệu quả kinh tế cao.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, trọng tâm là phát triển kinh tế nông thôn, tăng thu nhập theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có để làm giàu rừng, duy trì độ che phủ rừng ở mức trên 42,02%; nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng.

(Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung)

- Về dịch vụ: Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, ứng dụng các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh. Xây dựng và phát triển các trung tâm tài chính, khu thương mại tự do quốc tế và khu vực. Triển khai Đề án trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm tài chính khu vực tại Đà Nẵng.

Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả và bền vững để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Hình thành một số trung tâm dịch vụ du lịch với sản phẩm du lịch chất lượng cao, có thương hiệu và khả năng cạnh tranh gắn với hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. Phát triển đồng thời cả du lịch quốc tế và du lịch trong nước. Tập trung giải quyết các điểm nghẽn về hạ tầng du lịch, nhất là tình trạng quá tải tại các cảng hàng không, giá vé máy bay cao; cải thiện hạ tầng và chất lượng dịch vụ đường sắt phục vụ khách du lịch.

Tiếp tục chú trọng phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng lực, hiệu quả, chất lượng dịch vụ vận tải, giảm chi phí logistics. Thúc đẩy mở rộng mạng lưới các tuyến vận tải biển chuyên tuyến, triển khai có hiệu quả các Hiệp định vận tải hàng hóa và hành khách qua biên giới trong khuôn khổ song phương và đa phương.

(Đề nghị Bộ GTVT, Bộ VHTTDL và các bộ, cơ quan trung ương bổ sung)

b) Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; khẩn trương thực hiện Kết luận số 93-KL/TW ngày 06/9/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng tăng cường tính chủ đạo của ngân sách trung ương và nâng cao tính chủ động, tích cực, linh hoạt, sáng tạo của ngân sách địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan, nhất là cho đầu tư phát triển. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý thuế, nhất là đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh mới phát

sinh trong nền kinh tế số, giao dịch xuyên biên giới; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời, mở rộng cơ sở thuế.

(Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung)

c) Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công (cả ngân sách trung ương và địa phương) theo hướng tập trung vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế, các công trình, dự án trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công tư. Đổi mới, nâng cao vai trò công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong hoạt động quản lý đầu tư theo hướng giảm các hoạt động tiền kiểm và tăng cường hậu kiểm. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hoá trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Xây dựng và chuẩn bị tốt các công trình, dự án, nhất là các dự án trọng điểm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, bảo đảm không dàn trải, manh mún, giảm số lượng dự án đầu tư công, trong đó có không quá 3.000 dự án sử dụng nguồn NSTW.

d) Triển khai quyết liệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025. Tập trung thực hiện phương án xử lý và cơ cấu lại các ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt theo chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Tập trung giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng yếu kém, có nhiều vấn đề tồn tại trong hoạt động. Nâng cao chất lượng tín dụng, tăng cường xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu mới phát sinh. Triển khai quyết liệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt và đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động ngân hàng; đến cuối năm 2025, tỉ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán ở mức dưới 8%.

(Đề nghị NHNN bổ sung)

đ) Đẩy mạnh tiến độ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, tháo gỡ các vướng mắc về phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hoá. Nâng cao hiệu quả đầu tư, hoạt động của doanh nghiệp nhà nước một cách toàn diện, bền vững, bảo đảm tương xứng với nguồn lực nắm giữ thông qua đổi mới quản trị, tối ưu hoá các phương thức sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chú trọng đổi mới công tác cán bộ, tuyển dụng, thuê nguồn nhân lực chất lượng cao; xem xét thí điểm thuê các giám đốc điều hành của nước ngoài, nhân sự lãnh đạo không phải là đảng viên; xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, tiền lương phù hợp.

Tập trung tổ chức triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng nội dung, kế hoạch, tiến độ và quy định của pháp luật để tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước. Đồng thời, chủ động phê duyệt và đưa ra các ý kiến theo thẩm quyền đối với Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 còn lại,

làm cơ sở để triển khai thực hiện theo quy định. Tiếp tục rà soát, thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Tập trung làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư phát triển các dự án quan trọng, có tính kết nối, lan tỏa, tạo động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt là các dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng, các dự án lớn, có ý nghĩa quan trọng nhiều mặt về cả kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng, an ninh năng lượng. Khẩn trương tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại doanh nghiệp, dự án, công trình đầu tư, vốn, tài sản nhà nước trong các Tập đoàn, Tổng công ty và doanh nghiệp thành viên để có giải pháp xử lý ngay, dứt điểm các vướng mắc, tồn tại; đẩy mạnh thoái vốn đầu tư ngoài ngành, lĩnh vực kinh doanh kém hiệu quả; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải nhưng không hiệu quả, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển để triển khai nhanh các công trình, dự án, không để thất thoát, lãng phí, nhất là các dự án tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ.

(Đề nghị Bộ Tài chính, UBQLVNN bổ sung)

e) Quyết liệt chỉ đạo, xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, kéo dài, nhất là vấn đề phát hành trái phiếu, cổ phiếu, bảo lãnh phát hành của doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan. Tập trung rà soát, tháo gỡ triệt để các khó khăn, vướng mắc của các dự án để giải phóng tối đa các nguồn lực còn đang tồn đọng cho tăng trưởng và phát triển; triển khai hiệu quả Ban chỉ đạo về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án và Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa. Khẩn trương nghiên cứu ban hành một số cơ chế, chính sách đột phá để giải quyết những vấn đề tồn đọng, phức tạp gây thất thoát, lãng phí.

g) Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp tư nhân thực sự là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới. Xây dựng cơ chế ưu tiên hình thành, phát triển lực lượng sản xuất mới, phát triển mạnh doanh nghiệp dân tộc, quy mô lớn. Có cơ chế hỗ trợ trực tiếp bằng tiền hoặc bằng công trình hạ tầng để thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài. Thúc đẩy liên kết nhiều bên doanh nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa các khu vực doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI, thúc đẩy hình thành các chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu thông qua liên kết doanh nghiệp. Phấn đấu năm 2025, tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt khoảng 55%.

Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã năng động, hiệu quả góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và bảo đảm an sinh xã hội. Tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác, nhất là với doanh nghiệp nhà nước; tổ chức triển khai hiệu quả Luật

Hợp tác xã năm 2023.

6. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực trong lĩnh vực chip, chất bán dẫn gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

a) Thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Ưu tiên nguồn lực hoàn thành xây dựng Luật Nhà giáo. Triển khai có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi và đổi mới Chương trình giáo dục mầm non. Quan tâm phát triển các chương trình đào tạo đại học đạt trình độ quốc tế; đẩy mạnh thực hiện tự chủ đại học thực chất; số sinh viên đại học trên 1 vạn dân năm 2025 đạt 220 người. Quan tâm tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Khuyến khích phát triển các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh...; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị dạy học tối thiểu cho các cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên. Tiếp tục giải quyết tình trạng thiếu giáo viên, nhất là tại địa bàn vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới, nhất là trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, chip bán dẫn... Tập trung triển khai hiệu quả Đề án “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050”, Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao. Có chính sách hữu hiệu để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào khu vực công.

b) Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao. Đa dạng hóa hình thức tổ chức đào tạo, đẩy mạnh triển khai đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức, quản lý đào tạo và quản trị nhà trường; đẩy mạnh tuyển sinh, đào tạo trình độ trung cấp. Kiểm soát chất lượng trong quá trình đào tạo và sau đào tạo; xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh hợp tác doanh nghiệp trong công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm. Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục

ngành nghiệp với thị trường lao động theo vùng, địa phương; tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp. Xây dựng dự báo về nhu cầu đào tạo giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; có chính sách ưu đãi đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp, nhất là đầu tư phát triển công nghệ hydrogen xanh, sản xuất chip bán dẫn... Tiếp tục đổi mới cơ chế, phương thức quản lý tài chính đối với các chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ; chấp nhận rủi ro và độ trễ trong hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển giao, xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; phát huy hiệu quả của Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia gắn với hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo và tăng cường kết nối, hợp tác với thế giới, khu vực; phấn đấu năm 2025 thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII).

Thực hiện các giải pháp đột phá mạnh mẽ, phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp để tạo chuyển biến mạnh mẽ về số lượng, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho kỹ năng cho thị trường lao động, đặc biệt các ngành nghề khoa học – kỹ thuật – công nghệ đòi hỏi tay nghề cao; đẩy mạnh thu hút đầu tư, hợp tác quốc tế trong đào tạo chất lượng cao. Thực hiện kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp thông qua kiểm soát chất lượng trong quá trình đào tạo và sau đào tạo; xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và tăng cường công tác quản lý học sinh, sinh viên; hợp tác với doanh nghiệp vùng, địa phương trong tuyển sinh để tăng cường hiệu quả công tác tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm, tạo ra các mô hình gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động theo vùng, địa phương, các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; chú trọng gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Tiếp tục chỉ đạo công tác tuyển sinh, đẩy mạnh hướng dẫn địa phương, đa dạng hóa hình thức tổ chức đào tạo, đẩy mạnh triển khai đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo và trong công tác quản trị nhà trường. Tăng cường công tác phối hợp để giảng dạy khối lượng văn hóa bậc trung học phổ thông trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và năng lực chuyển đổi số cho nhà giáo, người dạy

nghề, chuyên gia cho các ngành, nghề trọng điểm; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, chất lượng cao.

(Đề nghị Bộ GDĐT, Bộ KHCN, Bộ LĐTBXH bổ sung)

7. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới.

a) Tiếp tục thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Thúc đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa; tạo lập môi trường thúc đẩy đầu tư phát triển công nghiệp văn hóa chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, sáng tạo, đa dạng, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.

Tập trung chuẩn bị và tổ chức tốt các hoạt động, kỷ niệm các ngày Lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước như 95 năm ngày thành lập Đảng, 50 năm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, 80 năm ngày Quốc khánh Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam... Tiếp tục bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá tốt đẹp của các dân tộc. Thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền và các giai tầng xã hội. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp văn hoá; phát triển những sản phẩm, loại hình văn hoá độc đáo có sức lan tỏa để quảng bá, giới thiệu ra thế giới.

Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới. Xây dựng, ban hành Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực thể dục thể thao; Đề án phát triển Điền kinh Việt Nam giai đoạn 2030 - 2045. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên, người làm công tác thể thao phù hợp với tình hình thực tế và quy định pháp luật.

b) Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; tiếp tục quan tâm hỗ trợ nhà ở cho người có công. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng và Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Đẩy mạnh chi trả trợ cấp ưu đãi người có công không dùng tiền mặt và chi trả thông qua tổ chức dịch vụ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về người có công. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng người có công với cách mạng, các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người

có công”. Tập trung triển khai Quyết định số 21/2024/QĐ-TTg ngày 22/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ và tỷ lệ phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỷ lệ đối ứng vốn hỗ trợ từ ngân sách địa phương giai đoạn 2023 - 2025. Tu sửa, nâng cấp mộ liệt sĩ, các công trình nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm, các công trình ghi công liệt sĩ. Triển khai quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững trên tinh thần lấy người dân là trung tâm, là chủ thể. Áp dụng mã số an sinh xã hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về chính sách xã hội; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ xã hội trên nền tảng số. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, đầy đủ, kịp thời, các chương trình, đề án, chính sách về trợ giúp xã hội, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, tránh trục lợi chính sách. Theo dõi sát tình hình, chỉ đạo các địa phương rà soát, trợ giúp xã hội dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ, giáp hạt năm 2025, chủ động phương án trợ giúp xã hội; tổ chức cứu trợ đột xuất kịp thời khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

Tổ chức thực hiện tốt, kịp thời, hiệu quả Luật người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, các chính sách hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật, phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí. Phấn đấu hoàn thành mục tiêu năm 2025 có 95% người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập.

d) Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo. Đẩy nhanh tiến độ rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách giảm nghèo theo hướng tích hợp chính sách để tránh chồng chéo, trùng lặp, gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, từng bước xóa bỏ chính sách “cho không”, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi. Đẩy mạnh Phong trào thi đua “Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước” trong năm 2025 để thực hiện thành công mục tiêu hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát trong năm 2025. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

đ) Tiếp tục thực hiện các giải pháp mở rộng độ bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Khẩn trương hoàn thành,

ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi). Thực hiện kịp thời chính sách bảo hiểm thất nghiệp để hỗ trợ người lao động bị mất việc làm bù đắp được chi phí tiền lương, ổn định cuộc sống; đồng thời kịp thời hỗ trợ tư vấn, bồi dưỡng kỹ năng nghề, giới thiệu người lao động tìm kiếm việc làm mới. Thường xuyên rà soát, hoàn thiện cơ sở dữ liệu người chưa tham gia để xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế hộ gia đình. Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội đến 2025 đạt 55%.

g) Tăng cường kết nối cung cầu, phát triển mạnh thị trường lao động; làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động và tăng cường quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam. Tập trung xây dựng, hoàn thiện Luật Việc làm (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngay sau khi được thông qua.

Thúc đẩy tạo việc làm bền vững, sử dụng lao động hiệu quả thông qua các chương trình, đề án, chính sách tín dụng hỗ trợ tạo việc làm, hỗ trợ người lao động tham gia thị trường lao động. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án về hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước; giám sát, đánh giá hoạt động vay vốn, nâng cao hiệu quả cho vay Quỹ quốc gia về việc làm; chú trọng giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động yếu thế và lao động nữ; thực hiện các giải pháp chính thức hóa việc làm phi chính thức, chuyển dịch nhanh lao động có việc làm phi chính thức sang việc làm chính thức; chú trọng hỗ trợ lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, các khu công nghiệp và lao động vùng biên.

Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thực hiện số hóa. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, quản lý chất lượng, hoạt động của tổ chức dịch vụ việc làm; đầu tư phát triển hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm công lập, thiết lập cơ chế để các trung tâm dịch vụ việc làm công lập trở thành một định chế thực thụ của thị trường, tham gia vào thị trường và trở thành công cụ quản lý nhà nước đối với thị trường lao động và đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Nâng cao năng lực và đẩy mạnh công tác dự báo nhu cầu sử dụng lao động, nhu cầu đào tạo nghề nghiệp của doanh nghiệp về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ của lao động trong các doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư. Ổn định, duy trì các thị trường truyền thống, phát triển, mở rộng thị trường có thu nhập cao, phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động. Hướng dẫn các doanh nghiệp chủ động chuẩn bị nguồn lao động, thực hiện tốt công tác bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Theo dõi, nắm bắt thông tin về lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, doanh nghiệp. Năm 2025, đưa khoảng 130 nghìn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Làm tốt công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 09/9/2021 của Ban Bí thư về thu hút, quản lý và sử dụng hiệu quả lao động nước ngoài tại Việt Nam. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát xây dựng thu thập thông tin về người lao động làm cơ sở quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

Theo dõi, nắm bắt tình hình lao động, quan hệ lao động, kịp thời hỗ trợ các bên đối thoại, thỏa thuận khắc phục khó khăn, bảo đảm quyền lợi theo quy định của pháp luật; triển khai các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tranh chấp lao động, đình công và hỗ trợ giải quyết các vụ việc phát sinh, giữ ổn định an ninh, trật tự xã hội và môi trường kinh doanh. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới. Tổ chức tổng kết, đánh giá thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động; hoàn thiện hệ thống quy chuẩn Việt Nam về an toàn, vệ sinh lao động.

h) Triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới. Tập trung thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn năm 2045; Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030" và các Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương. Đến hết năm 2025, xây dựng 100 nghìn căn nhà ở xã hội.

i) Nâng cao năng lực dự báo, giám sát và phát hiện sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Triển khai lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021-2030; thực hiện tốt Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2025. Tổ chức triển khai Đề án thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Trung ương. Tập trung mở rộng hoạt động khám, chữa bệnh từ xa, ngay từ cơ sở, tăng cường chỉ đạo, chuyển giao kỹ thuật, kịp thời hỗ trợ cho các cơ sở y tế tuyến dưới. Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án về công tác dân số; trọng tâm là Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030...

Tăng cường quản lý, cấp phép, gia hạn, bảo đảm cung ứng đủ thuốc, vắc xin, trang thiết bị y tế có chất lượng, an toàn, hiệu quả, giá hợp lý cho công tác chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân, phòng chống thiên tai, thảm họa và các tình huống khẩn cấp. Tăng cường quản lý giá thuốc, đảm bảo thị trường dược phẩm được duy trì bình ổn. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp dược, dược liệu, sản xuất thiết bị y tế trong nước. Tập trung đẩy mạnh rà soát, giám sát công tác quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, khu vực lân cận, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt quy chuẩn trên 98%.

Tăng cường đầu tư chăm sóc sức khỏe, đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các

nguồn lực phát triển hệ thống y tế, tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện lộ trình tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, lộ trình toàn dân đều có bảo hiểm y tế. Nghiên cứu, xây dựng lộ trình điều chỉnh mức đóng bảo hiểm y tế phù hợp, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân và điều kiện kinh tế, xã hội.

Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong y tế, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo ngành y tế. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quản lý sức khỏe điện tử, sổ khám chữa bệnh điện tử, ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đến từng người dân. Nghiên cứu, đề xuất chế độ, chính sách đãi ngộ xứng đáng đối với yêu cầu nhiệm vụ và đặc thù công việc của nhân viên y tế.

k) Tập trung cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc, người dân vùng biên giới, hải đảo, vùng khó khăn; triển khai đồng bộ, hiệu quả các chiến lược, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trọng tâm là Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Chủ động xây dựng, đề xuất nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn II: từ năm 2026 đến năm 2030. Phát huy giá trị văn hóa và truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện tốt mục tiêu đại đoàn kết toàn dân tộc. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tăng cường công tác tuyên truyền, cải cách hành chính, tháo gỡ kịp thời, thực chất các khó khăn, vướng mắc đối với công tác dân tộc và chính sách dân tộc. Thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, tín ngưỡng, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường bảo đảm an ninh tôn giáo.

l) Triển khai hiệu quả Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị về cải cách chính sách tiền lương; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, nhất là những nội dung mới liên quan đến tiền thưởng của cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Nghiên cứu, đề xuất việc xử lý các bất hợp lý phát sinh trong chế độ cho một số đối tượng, ngành nghề (viên chức ngành giáo dục, y tế,...); đề xuất việc tiếp tục điều chỉnh tăng tiền lương khu vực công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công trong trường hợp tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 thuận lợi hơn và cân đối được nguồn, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

m) Tiếp tục xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để phát triển trẻ em toàn diện, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; kiểm soát và giảm số lượng

trẻ em bị xâm hại, tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước, tai nạn giao thông.

Thúc đẩy bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội. Tiếp tục phát huy vai trò hoạt động của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam; thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 và các chương trình, đề án thúc đẩy bình đẳng giới.

n) Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 sau khi được phê duyệt. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật, chương trình, đề án về cai nghiện ma túy, phòng chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán; tập trung nghiên cứu, đề xuất Dự án sửa đổi, bổ sung Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm.

(Đề nghị Bộ Công an, Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế, Bộ VHTTDL, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, UBND bổ sung)

8. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

a) Quyết liệt triển khai các chiến lược, kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các cam kết tại COP26, trọng tâm là đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050. Tổ chức thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các quy định ứng phó với biến đổi khí hậu trong Luật Bảo vệ môi trường, bao gồm các tiêu chuẩn, quy chuẩn về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn. Theo dõi việc thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC); tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính các cấp và các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Đẩy mạnh thực hiện các sáng kiến, cam kết của Việt Nam tại COP28 và Kế hoạch huy động nguồn lực triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP). Triển khai hiệu quả Đề án phát triển bền vững 01 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long.

b) Nâng cao hiệu quả sử dụng và có giải pháp huy động nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản, nhất là khoáng sản chiến lược cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về "Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao". Tiếp tục xây dựng, trình ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện hiệu quả Luật Đất đai năm 2024. Tập trung hoàn thiện, đưa vào vận hành hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tập trung, thống nhất, đa mục tiêu, cung

cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực đất đai ở các đô thị, nâng cao các chỉ số “Tiếp cận đất đai”, “Đăng ký đất đai” và “Chất lượng quản lý hành chính đất đai”. Kiểm soát chặt chẽ và công khai, minh bạch trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bảo đảm quyền lợi hợp pháp, hoạt động sản xuất và đời sống của người có đất thu hồi. Triển khai các mô hình tập trung, tích tụ đất đai phù hợp với điều kiện của từng địa phương; điều tra, cải tạo khắc phục tình trạng thoái hóa đất, suy giảm chất lượng đất. Nâng cao công tác quản lý nhà nước về hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

c) Tập trung thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tổng kết và đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; xây dựng bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật còn thiếu trong công tác quản lý tài nguyên, môi trường biển nhằm tạo lập hành lang pháp lý đầy đủ, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. Tăng cường hợp tác song phương và đa phương về biển với các nước, các tổ chức quốc tế trên nguyên tắc đảm bảo chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và các bên cùng có lợi. Chú trọng việc hợp tác với các cường quốc biển; đặc biệt tranh thủ sự ủng hộ và hợp tác của các nước trong khu vực biển Đông.

d) Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước. Tiếp tục thực hiện theo dõi, giám sát việc vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ, đảm bảo 100% hồ chứa đã được kết nối, cung cấp thông tin, dữ liệu hàng ngày. Theo dõi, giám sát trực tuyến vận hành các hồ chứa thủy điện lớn, đảm bảo 100% hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến. Tập trung xây dựng quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Ba, Vu Gia - Thu Bồn; lưu vực sông Cả, Trà Khúc, Kôn - Hà Thanh thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050. Theo dõi, giám sát biến động về dòng chảy, chất lượng nước đối với các nguồn nước liên quốc gia; đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và sông Hồng.

đ) Tiếp tục hiện đại hóa mạng lưới khí tượng thủy văn, nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo trọng tâm là dự báo, cảnh báo các thiên tai liên quan đến bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất, cấp báo động lũ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và phục vụ phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai trong tình hình mới. Duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; nghiên cứu, đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

9. Tăng cường liên kết vùng, thực hiện hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị

a) Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 vùng kinh tế - xã hội. Tiếp tục hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp lý về vùng, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng, xúc tiến đầu tư. Phát huy vai trò của hội đồng điều phối vùng trong việc xử lý các vấn đề nội vùng và liên vùng, triển khai hiệu quả các quy hoạch vùng và kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng.

b) Hoàn thiện, phê duyệt và triển khai các kế hoạch thực hiện quy hoạch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy hoạch ngành quốc gia. Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng.

c) Tập trung triển khai Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050. Nghiên cứu, đề xuất Chương trình quốc gia về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị giai đoạn 2026-2030. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện theo đúng lộ trình và có hiệu quả Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030, Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến 2030, Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030. Năm 2025 đạt tỷ lệ đô thị hoá toàn quốc trên 45%.

(Đề nghị Bộ Xây dựng bổ sung)

10. Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Thực hiện tốt chức năng tham mưu chiến lược cho Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Tăng cường nghiên cứu nắm chắc, đánh giá, dự báo kịp thời, chính xác tình hình, tuyệt đối không chủ quan, không để bị động, bất ngờ, đặc biệt là những khu vực trọng yếu, địa bàn chiến lược trọng điểm, góp phần giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia dân tộc, môi trường hòa bình để xây dựng và phát triển đất nước. Tổ chức triển khai các đề án diễu binh, diễu hành kỷ niệm 50 năm giải phóng miền Nam, 80 năm Quốc khánh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 80 năm ngày truyền thống Công an nhân dân Việt Nam, 20 năm ngày Hội toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

Chủ động xây dựng phương án, kế hoạch sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên luyện tập và tổ chức lực lượng ứng trực, đấu tranh phù hợp với các tình huống. Phối hợp chặt chẽ với các ban, bộ, ngành Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng, phát huy sức mạnh tổng hợp, huy động hiệu quả các nguồn lực, xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Thực hiện tốt chủ trương kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn và cả nước. Rà soát, điều chỉnh quyết tâm tác

chiến phù hợp tình hình mới, kiểm soát chặt chẽ xuất, nhập cảnh. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn cả nước.

Chỉ đạo chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, phương án phòng thủ dân sự, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, sự cố môi trường, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Xây dựng, ban hành các văn bản, kế hoạch, chương trình cấp quốc gia; phối hợp nghiên cứu, nắm vững tình hình thiên tai, địa chất để có phương án chủ động ứng phó với các tình huống. Thực hiện tốt công tác hợp tác quốc tế về ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn, khắc phục hậu quả chiến tranh, rà phá bom, mìn, xử lý chất độc hóa học, các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên Hợp quốc.

b) Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng của đất nước, các mục tiêu trọng điểm, các đoàn khách, hội nghị quốc tế quan trọng tổ chức tại Việt Nam, trọng tâm là bảo vệ Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 -2030; Hội nghị lần thứ 11, 12 Ban chấp hành Trung ương khóa XIII, các kỳ họp của Quốc hội khóa XV, các hoạt động kỷ niệm 80 năm Ngày Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2/9...

Tăng cường công tác nắm tình hình liên quan đến an ninh, trật tự, nhất là tác động đến an ninh, lợi ích quốc gia Việt Nam để kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, chính sách, tuyệt đối không để bị động, bất ngờ về chiến lược, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa. Tập trung đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động tình báo, gián điệp, hoạt động khủng bố, phá hoại, kích động biểu tình gây rối an ninh trật tự. Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo đảm an ninh công tác chuẩn bị nhân sự đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; bảo đảm an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế. Tăng cường bảo đảm an ninh tôn giáo; chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp, khiếu kiện, nhất là các vụ việc liên quan đến đất đai, tôn giáo, dân tộc, không để kẻ địch lợi dụng chống phá, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. Bảo đảm an ninh, trật tự các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ.

Tập trung nhận diện và chủ động các giải pháp kiểm chế, kéo giảm tội phạm bền vững. Trấn áp mạnh, quyết liệt đối với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm giết người, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; cướp ngân hàng, tiếm vàng; tội phạm đánh bạc; hoạt động “tín dụng đen”; tội phạm liên quan đến thanh, thiếu niên; tội phạm mua bán người; các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, các tụ điểm phức tạp về ma túy trong nước; xử lý nghiêm tội phạm và các vi phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao, đặc biệt là các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực.

Đẩy mạnh công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị, công tác phòng cháy, chữa cháy. Triển khai đồng bộ các biện pháp hạn chế tình trạng

ùn tắc giao thông tại các thành phố lớn, các tuyến giao thông trọng điểm; kiên quyết xử lý nghiêm hành vi vi phạm về nồng độ cồn, sử dụng ma túy khi điều khiển phương tiện giao thông.

(Đề nghị Bộ Công an, Bộ Quốc phòng bổ sung)

11. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam

Tiếp tục củng cố cục diện đối ngoại thuận lợi, giữ đà và triển khai tốt quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn và các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước; khai thác hiệu quả cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA); đa dạng hóa, mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm tránh phụ thuộc vào một số đối tác nhất định; hoàn thiện khung khổ pháp lý, hỗ trợ thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực mới mang tính đột phá. Chuẩn bị và tổ chức tốt các sự kiện đa phương quan trọng, nhất là Hội nghị Thượng đỉnh đối tác vì tăng trưởng xanh và mục tiêu toàn cầu (P4G) năm 2025, các hội nghị quốc tế khác và chuẩn bị đăng cai năm APEC 2027 tại Việt Nam.

d) Tăng cường gắn kết, phối hợp chặt chẽ và đồng bộ hơn nữa công tác ngoại giao văn hóa với ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và công tác người Việt Nam ở nước ngoài để đóng góp tích cực vào phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ sức mạnh mềm, nâng cao vị thế và uy tín đất nước. Tiếp tục đổi mới, triển khai hiệu quả công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân. Đẩy mạnh triển khai Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030; ưu tiên tổ chức các Tuần/Ngày văn hóa, du lịch Việt Nam tại nước ngoài, các chương trình văn hóa nghệ thuật kỷ niệm quan hệ ngoại giao với các đối tác chiến lược, quan trọng như Trung Quốc (75 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, năm giao lưu nhân văn Việt Nam - Trung Quốc), Nga (kỷ niệm 75 năm thiết lập quan hệ ngoại giao); Hoa Kỳ (30 năm quan hệ ngoại giao); Indonesia (70 năm quan hệ ngoại giao); CHLB Đức, Hy Lạp (kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao), Ba Lan, CH Séc, Hungary (kỷ niệm 75 năm thiết lập quan hệ ngoại giao), Cuba (65 năm thiết lập quan hệ ngoại giao)... Tiếp tục tổ chức khai thác hiệu quả hợp tác trong khuôn khổ đa phương tại các tổ chức quốc tế; chủ động triển khai vai trò chủ trì Hội nghị Bộ trưởng Thể thao ASEAN năm 2025; tham dự Hội nghị thế giới của UNESCO về chính sách văn hóa và phát triển bền vững năm 2025...

(Đề nghị Bộ Ngoại giao bổ sung)

12. Chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

Đẩy mạnh phản ánh đầy đủ, có chiều sâu các thông điệp, hoạt động của

Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ; bám sát Kết luận số 97-KL/TW ngày 05/10/2024 của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa XIII, các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 để tập trung đẩy mạnh tuyên truyền các giải pháp phát triển KTXH năm 2025, làm tiền đề để tiến tới Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV; cung cấp nguồn tin chính thống, tin cậy đến nhân dân, chủ động, tích cực định hướng dư luận xã hội, huy động sức mạnh đại đoàn kết để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Tập trung thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn, quan trọng của đất nước năm 2025 như: Kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2025), Kỷ niệm 80 năm ngày cách mạng tháng Tám và Quốc khánh (2/9/1945 - 2/9/2025), Kỷ niệm 50 năm ngày thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025), Kỷ niệm 135 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh... Tích cực thông tin, tuyên truyền gương người tốt, việc tốt; bám sát thực tiễn, tăng cường cung cấp thông tin góp phần ổn định dư luận xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước. Thực hiện tốt công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; kiên quyết đấu tranh chống các hành vi sai trái, phản bác các quan điểm, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; thông tin phản hồi những vấn đề được dư luận quan tâm; triệt phá, gỡ bỏ, ngăn chặn các thông tin xấu, độc, sai sự thật; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả; thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ cơ sở, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

(Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông bổ sung)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Phát huy tối đa các mặt tích cực, kết quả đạt được, nỗ lực khắc phục những hạn chế, bất cập trên các lĩnh vực; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Kết luận số 97-KL/TW ngày 05/10/2024 của Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII, Nghị quyết số 158/2024/QH15 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, Nghị quyết số .../2024/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, các Nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 20/01/2025, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, các văn bản cụ thể của bộ, ngành, địa phương để triển khai thực hiện Nghị

quyết này; trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ (bao gồm nhiệm vụ chủ trì và nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện), tiến độ thực hiện và phân công đơn vị chủ trì, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2025.

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động theo dõi sát diễn biến trong nước, quốc tế, nâng cao năng lực, tăng cường phân tích, đánh giá, dự báo để có giải pháp kịp thời, tổng thể, đồng bộ, tận dụng thời cơ, thuận lợi, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với nền kinh tế và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đời sống của người dân; tăng cường chuyển đổi số, thực hiện công tác thống kê, báo cáo kịp thời, chính xác; định kỳ hằng quý cập nhật kịch bản phát triển ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, cập nhật kịch bản tăng trưởng chung của cả nước tại Phụ lục II.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng quý, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tại các Phụ lục I, Phụ lục III, Phụ lục IV, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng cuối quý để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

đ) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và chuẩn bị nội dung xây dựng Nghị quyết của Chính phủ cho năm 2026, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15/11/2025 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ tháng 12 năm 2025.

2. Các bộ, cơ quan tổng hợp, phụ trách theo dõi các lĩnh vực kinh tế vĩ mô có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp, biện pháp cụ thể điều hành kinh tế vĩ mô, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và cơ quan liên quan đôn đốc, theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
TGD CôngTTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

Phụ lục I
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2024 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025 Quốc hội giao	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	6,5-7	Bộ KHĐT
2	GDP bình quân đầu người	USD	4.900	Bộ KHĐT
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	%	24,1	Bộ KHĐT
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4,5	Bộ KHĐT
5	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân	%	5,3-5,4	Bộ KHĐT
6	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	25-26	Bộ KHĐT
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	Khoảng 70	Bộ LĐTBXH
	- Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	Khoảng 29-29,5	
8	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	Dưới 4	Bộ LĐTBXH
9	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Điểm %	>1	Bộ LĐTBXH
10	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	Bộ Y tế

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025 Quốc hội giao	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11	Số bác sĩ trên 10.000 dân	Bác sĩ	15	Bộ Y tế
12	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường bệnh	34,5	Bộ Y tế
13	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	80,5-81,5	Bộ NNPTNT
14	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	95	Bộ TNMT
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	92	Bộ KHĐT

Phụ lục II

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) NĂM 2025 THEO GIÁ SO SÁNH 2010

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

Đơn vị: %

TT	Ngành kinh tế	Kịch bản tăng trưởng GDP năm 2025						
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	106,2 - 106,6	106,5 - 107,0	106,4 - 106,8	106,6 - 107,1	106,5 - 106,9	106,6 - 107,2	106,5 - 107,0
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	102,9 - 103,1	103,1 - 103,3	103,0 - 103,2	103,5 - 103,7	103,2 - 103,3	103,0 - 103,2	103,1 - 103,3
2	Công nghiệp và xây dựng	106,5 - 107,0	106,9 - 107,7	106,7 - 107,4	107,0 - 107,7	106,8 - 107,5	106,9 - 107,8	106,9 - 107,6
a)	Công nghiệp	106,4 - 106,9	106,7 - 107,6	106,6 - 107,3	106,8 - 107,6	106,7 - 107,4	106,5 - 107,7	106,6 - 107,5
-	Khai khoáng							
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo							
-	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí							
-	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải							
b)	Xây dựng							
3	Dịch vụ	107,0 - 107,4	107,2 - 107,6	107,1 - 107,5	107,2 - 107,6	107,1 - 107,5	107,5 - 107,9	107,2 - 107,6
-	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác							
-	Vận tải, kho bãi							
-	Dịch vụ lưu trú và ăn uống							
-	Thông tin và truyền thông							
-	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm							
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	105,3 - 105,5	105,4 - 105,6	105,4 - 105,6	105,6 - 105,8	105,4 - 105,6	105,6 - 106,5	105,5 - 105,9

Phụ lục III
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2025	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô			
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	%	< 3	NHNNVN
2	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) chưa được xử lý, thu hồi và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu (không bao gồm các ngân hàng thương mại yếu kém)	%	< 5	NHNNVN
3	Tỷ lệ động viên vào NSNN trên GDP	%	16	Bộ TC
4	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển/tổng chi NSNN	%	30	Bộ TC
5	Tỷ trọng chi thường xuyên/tổng chi NSNN	%	61	Bộ TC
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP	%		Bộ KHĐT
7	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu	%	7,5	Bộ CT
II	Một số chỉ tiêu về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng			
8	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	7-8	Bộ CT
9	Tốc độ tăng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	9	Bộ CT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2025	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
10	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%		Bộ KH-CN
11	Chỉ số đổi mới sáng tạo quốc gia	Thứ hạng		Bộ KH-CN
12	Tăng trưởng thị trường thương mại điện tử B2C	%	20-22	Bộ CT
13	Tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	%	60-62	Bộ CT
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ công			
14	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn (không bao gồm điện năng lượng tái tạo)	%		Bộ CT
15	Tổng điện năng sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ kWh	311,172	Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%	12,9	
16	Tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà)	MW		Bộ CT
	<i>Tốc độ tăng</i>	%		
17	Số lượng trạm phủ sóng thông tin di động 5G	trạm	35.000	Bộ TTTT
18	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang	%	80	Bộ TTTT
19	Số lượng tuyến cáp quang biển quốc tế mới - đưa vào khai thác	Tuyến	2	Bộ TTTT
20	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam	%	70	Bộ TTTT
21	Diện tích nhà ở bình quân cả nước	m ² sàn/người	27	Bộ XD

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2025	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
22	Số lượng căn nhà ở xã hội hoàn thành	căn	> 100.000	Bộ XD
23	Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95	Bộ XD
24	Tỷ lệ hệ thống cấp nước đô thị lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn	%	50	Bộ XD
25	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%	18	Bộ XD
26	Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc	%	45	Bộ XD
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, nghệ thuật, y tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường			
27	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	35	Bộ GDĐT
28	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	94	Bộ GDĐT
29	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Tỉnh	23	Bộ GDĐT
30	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	Tỉnh	40	Bộ GDĐT
31	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 1)	Tỉnh	29	Bộ GDĐT
32	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 2)	Tỉnh	22	Bộ GDĐT
33	Số đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở (tỉnh đạt chuẩn mức độ 3)	Tỉnh	12	Bộ GDĐT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2025	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
34	Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi theo quy định	%	98,92	Bộ GDĐT
35	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	34,5	Bộ GDĐT
36	Tỷ lệ sinh viên học đại học/vạn dân	SV/vạn dân	220	Bộ GDĐT
37	Số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người	Khoảng 130	Bộ LĐTBXH
38	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	45,1%	BHXHVN
39	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo thất nghiệp	%	35,1%	BHXHVN
40	Số học sinh giáo dục nghề nghiệp được tuyển mới trong năm	Người	2.050	Bộ LĐTBXH
41	Số học sinh giáo dục nghề nghiệp tốt nghiệp trong năm	Người	1.650	Bộ LĐTBXH
42	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	Trên 91	Bộ LĐTBXH
43	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 91	Bộ LĐTBXH
44	Tỷ lệ người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy	%	80	Bộ LĐTBXH
45	Tỷ trọng người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy trong tổng số người nghiện được cai nghiện	%	40	Bộ LĐTBXH
46	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn	%		Bộ NNPTNT
47	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	> 90%	Bộ Y tế

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phấn đấu năm 2025	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
48	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	74,6	Bộ Y tế
49	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	> 80%	Bộ Y tế
50	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111	Bộ Y tế
51	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	11,3	Bộ Y tế
52	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	Số ca/ trên 1.000 trẻ đẻ sống	18	Bộ Y tế
53	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	<17%	Bộ Y tế
54	Hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến	%	100	Bộ TNMT
55	Hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập	Công trình	Khoảng 700	Bộ TNMT
56	Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật mà phát hiện và xác minh được trên mạng xã hội	%		Bộ TTTT
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử			
57	Tỷ lệ người dân trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%		Bộ TTTT

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2025	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
58	Tỷ lệ tổng số lượng gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đủ điều kiện áp dụng đấu thầu qua mạng	%	100	Bộ KHĐT
59	Tỷ lệ tổng giá trị gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đủ điều kiện áp dụng đấu thầu qua mạng	%	100	Bộ KHĐT
60	Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ bình quân cả nước	%		Bộ NV
61	Chỉ số cải cách hành chính của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bình quân cả nước	%		Bộ NV
62	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bình quân cả nước (SIPAS)	%		Bộ NV
63	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	80	VPCP
64	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	60	VPCP
65	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	%	60	VPCP
66	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	80	VPCP
67	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	VPCP

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu phần đầu năm 2025	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
68	Tỷ lệ nhiệm vụ chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu số	%	100	VPCP
69	Tỷ lệ dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được theo dõi, giám sát đến đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương	%	100	VPCP
70	Tỷ lệ các bộ, ngành, địa phương ban hành Bộ chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử theo quy định; ban hành quy chế khai thác, sử dụng, kết nối, tích hợp, chia sẻ, tiếp nhận thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử.	%	100	VPCP
71	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) của các cấp chính quyền được thực hiện toàn trình trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (Không xử lý song song văn bản, hồ sơ điện tử và văn bản, hồ sơ giấy).	%	90	VPCP
72	Tỷ lệ thông tin, số liệu về tình hình xử lý, kết quả xử lý văn bản, hồ sơ công việc của các bộ, ngành, địa phương theo nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được đồng bộ với các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua Trục liên thông văn bản quốc gia.	%	100	VPCP
73	Tỷ lệ Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh được kết nối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để đồng bộ kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa 02 hệ thống.	%	100	VPCP

Phụ lục IV
MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
I.	Nhóm nhiệm vụ về thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn và cơ cấu lại nền kinh tế		
1	Nghị định thay thế Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.	Tháng 7	NHNN
2	Nghị định của Chính phủ quy định về dịch vụ Mobile - Money	Tháng 12	NHNN
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng	Tháng 12	NHNN
4	Chiến lược phát triển ngành dầu khí quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 12	Bộ CT
5	Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2026-2035	Tháng 6	Bộ CT
6	Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045	Tháng 12	Bộ CT
7	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030	Tháng 9	Bộ KHĐT
8	Hệ thống ngành kinh tế xanh quốc gia	Tháng 9	Bộ KHĐT
9	Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam	Tháng 12	Bộ KHĐT
10	Bộ tiêu chí đánh giá kết quả công nghiệp hóa, hiện đại hóa cấp quốc gia, cấp ngành và địa phương	Tháng 12	Bộ KHĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
11	Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ doanh nhân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 12	Bộ KHĐT
12	Đề án “Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2026-2030”	Tháng 12	Bộ KHĐT
13	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2026	Tháng 6	Bộ TC
14	Quyết định bãi bỏ Quyết định số 78/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về mức giá trị hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh được miễn thuế	Tháng 3	Bộ TC
15	Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.	Tháng 6	Bộ TC
16	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ	Tháng 6	Bộ TC
17	Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Bản Thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2025-2026	Tháng 7	Bộ TC

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
18	Đề án Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam	Tháng 8	Bộ TC
19	Nghị định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Các Tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất giai đoạn 2025 – 2027	Tháng 12	Bộ TC
II.	Nhóm nhiệm vụ về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh		
20	Lập đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Tháng 12	Bộ TNMT
21	Đề án “Nghiên cứu, sắp xếp tổ chức bộ máy làm công tác BHXH theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII”	Tháng 3	BHXHVN
22	Đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2026, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025.	Tháng 01	Bộ Tư pháp
23	Dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự.	Tháng 01	Bộ Tư pháp
24	Dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi).	Tháng 01	Bộ Tư pháp
25	Dự án Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi).	Tháng 02	Bộ Tư pháp
26	Đề án của Thủ tướng Chính phủ “Định hướng xây dựng pháp luật của Chính phủ trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI”.	Tháng 03	Bộ Tư pháp

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
27	Nghị định thay thế Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.	Tháng 04	Bộ Tư pháp
28	Chiến lược phát triển về lĩnh vực công chứng, điều kiện thành lập tổ chức hành nghề công chứng.	Tháng 05	Bộ Tư pháp
29	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.	Tháng 06	Bộ Tư pháp
30	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội được thông qua tại Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV.	Tháng 07	Bộ Tư pháp
31	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, nghị quyết được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và các dự án thuộc Chương trình năm 2026.	Tháng 07	Bộ Tư pháp
32	Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nuôi con nuôi.	Tháng 09	Bộ Tư pháp
33	Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2025 – 2030.	Tháng 08	Bộ Tư pháp
34	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và một số biện pháp bảo đảm thi hành Luật Trợ giúp pháp lý.	Tháng 09	Bộ Tư pháp

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
35	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.	Tháng 09	Bộ Tư pháp
36	Đề án “Nâng cao vai trò, hiện đại hóa, phát triển trợ giúp pháp lý đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.	Tháng 09	Bộ Tư pháp
37	Nghị định của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành.	Tháng 10	Bộ Tư pháp
38	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành.	Tháng 10	Bộ Tư pháp
39	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội được thông qua tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV.	Tháng 12	Bộ Tư pháp
40	Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2025 - 2030”	Tháng 12	Bộ Tư pháp
41	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ	Tháng 3	Bộ KHĐT
42	Đề nghị xây dựng Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) quy định trách nhiệm, cách thức thực hiện, thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	Tháng 5	Bộ KHĐT
43	Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư về thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng BT	Tháng 5	Bộ KHĐT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
44	Nghị định sửa đổi Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê và Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê	Tháng 12	Bộ KHĐT
45	Nghị định sửa đổi/ thay thế Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 và Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài	Tháng 12	Bộ KHĐT
46	Tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ	Tháng 4	Bộ KHĐT
47	Đề nghị xây dựng Luật Khu kinh tế, khu công nghiệp	Tháng 9	Bộ KHĐT
48	Dự án Luật Cấp, thoát nước	Tháng 1	Bộ XD
49	Dự án Luật Quản lý phát triển đô thị	Tháng 2	Bộ XD
50	Luật Tổ chức chính phủ (sửa đổi)	Năm 2025	Bộ NV
51	Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi)	Năm 2025	Bộ NV
52	Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi)	Năm 2025	Bộ NV
53	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ năm 2024	Tháng 6	Bộ NV
54	Nghị định quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng	Năm 2025	Bộ NV

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
55	Nghị định quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lưu trữ	Tháng 6	Bộ NV
56	Nghị định quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo	Năm 2025	Bộ NV
57	Nghị định về Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Tháng 9	Bộ TC
58	Nghị định thay thế Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ về kinh doanh casino	Tháng 10	Bộ TC
59	Nghị định thay thế Nghị định 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ	Tháng 10	Bộ TC
60	Quyết định Danh mục tài sản cụ thể phải mua bảo hiểm cho rủi ro bão, lũ, lụt và lộ trình thực hiện	Tháng 12	Bộ TC
61	Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý	Tháng 11	Bộ TC
62	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp	Tháng 11	Bộ TC
63	Nghị định sửa đổi Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Tháng 12	Bộ TC
64	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tạm thời về quy trình, thủ tục hải quan và giám sát, kiểm soát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu thông minh	Tháng 12	Bộ TC

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
65	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 01/2015/NĐ-CP ngày 02/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ	Tháng 12	Bộ TC
66	Đề án “Nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật cạnh tranh đến năm 2030”	Tháng 12	Bộ CT
67	Dự án Luật Hóa chất (sửa đổi)	Tháng 10	Bộ CT
68	Đề án Tăng cường hiệu quả áp dụng và thực thi pháp luật cạnh tranh trong lĩnh vực thương mại	Tháng 12	Bộ CT
69	Đề án tăng cường bảo vệ và trao quyền cho người tiêu dùng trong quá trình chuyển đổi số và chuyển đổi xanh giai đoạn 2025 - 2030	Tháng 2	Bộ CT
70	Nghị quyết phê duyệt Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại bộ, ngành, địa phương giai đoạn 2025 – 2030	Quý I	VPCP
71	Dự án Luật Báo chí (sửa đổi)	Tháng 3	Bộ TTTT
72	Xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	Tháng 8	Bộ TTTT
73	Đề nghị xây dựng Luật Xuất bản (sửa đổi)	Tháng 12	Bộ TTTT
74	Đề nghị xây dựng Luật Bru chính (sửa đổi)	Tháng 12	Bộ TTTT
75	Nghị định sửa đổi Nghị định số 72/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại	Tháng 12	Bộ TTTT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
76	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 38/2021/QĐ-TTg ngày 29/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Tháng 12	Bộ TTTT
III.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	Tháng 12	Bộ TTTT
77	Đề án “Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030, tầm nhìn 2050”	Tháng 12	Bộ KHĐT
78	Chương trình bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2035	Quý II	Bộ GDĐT
V.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân		
79	Nghị định quy định về khuyến khích phát triển văn học	Quý II	Bộ VHTTDL
80	Nghị định quy định về phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị	Quý IV	Bộ VHTTDL
81	Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 152/NĐ-CP quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu	Quý IV	Bộ VHTTDL
82	Chương trình phát triển các môn thể thao trọng điểm chuẩn bị tham dự các kỳ Olympic, ASIAD giai đoạn 2026-2046	Quý IV	Bộ VHTTDL
83	Đề án tổ chức Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026	Quý IV	Bộ VHTTDL

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
84	Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 và Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.	Tháng 9	Bộ NNPTNT
85	Báo cáo Tổng kết thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; đề xuất nội dung, kinh phí thực hiện Chương trình giai đoạn II từ năm 2026 đến năm 2030.	Tháng 9	UBND
86	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn II từ năm 2026 đến năm 2030.	Tháng 10	UBND
87	Đề án Xây dựng Tiêu chí phân định vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2026 - 2030	Tháng 10	UBND
88	Đề án sửa đổi, bổ sung Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia.	Tháng 12	Bộ YT
89	Đề án nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế.	Tháng 12/	Bộ YT
90	Đề án quản lý sức khỏe toàn dân	Tháng 12	Bộ YT
91	Nghị quyết ban hành Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045	Tháng 3	Bộ LĐTBXH
92	Nghị định quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030	Quý II	Bộ LĐTBXH

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
93	Nghị định quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động	Tháng 10	Bộ LĐTBXH
94	Quyết định ban hành quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2026-2030	Quý III	Bộ LĐTBXH
95	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động	Tháng 12	Bộ LĐTBXH
96	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động	Tháng 12	Bộ LĐTBXH
97	Quyết liệt phê duyệt Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2026-2030	Tháng 12	Bộ LĐTBXH
98	Đề án xây dựng và công bố mức sống tối thiểu hằng năm làm căn cứ xác định các chuẩn chính sách xã hội	Tháng 11	Bộ KHĐT
VI.	Nhóm nhiệm vụ về ứng phó với biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường		
99	Quyết định phê duyệt tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho năm 2025-2026	Tháng 11	Bộ TNMT
100	Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ liên tỉnh khu vực Trung Bộ	Tháng 12	Bộ TNMT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
101	Đề án bảo vệ môi trường vùng kinh tế trọng điểm miền Trung giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	Tháng 11	Bộ TNMT
102	Chương trình bảo vệ môi trường các di sản thiên nhiên	Tháng 9	Bộ TNMT
103	Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026-2030	Tháng 11	Bộ TNMT
104	Điều tra, phân loại và lập danh mục các nguồn nước mặt sông liên tỉnh bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt trên phạm vi toàn quốc.	Tháng 11	Bộ TNMT
105	Đề án thành lập tổ chức lưu vực sông	Tháng 11	Bộ TNMT
106	Kiểm kê nguồn lực tài nguyên thiên nhiên giai đoạn 2021 - 2025	Tháng 11	Bộ TNMT
107	Đề án phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của vùng	Tháng 12	Bộ TNMT
108	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.	Tháng 6	Bộ NNPTNT
109	Đề án Phát triển nuôi trồng thủy sản trên hồ chứa giai đoạn 2025 - 2030	Tháng 12	Bộ NNPTNT
IV.	Nhóm nhiệm vụ về phát triển liên kết vùng, công tác quy hoạch, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị		
110	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 3	Bộ NNPTNT
111	Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 3	Bộ NNPTNT

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
112	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cả thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 9	Bộ TNMT
113	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Trà Khúc thời kỳ 2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 10	Bộ TNMT
114	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Vu Gia – Thu Bồn thời kỳ 2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 11	Bộ TNMT
115	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Ba thời kỳ 2030, tầm nhìn đến 2050	Tháng 11	Bộ TNMT
116	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Kôn - Hà Thanh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Tháng 11	Bộ TNMT
117	Sơ kết 02 năm thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 vùng kinh tế - xã hội	Quý I	Bộ KHĐT
118	Sơ kết 03 năm việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa	Tháng 5	Bộ KHĐT
119	Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng	Tháng 6	Bộ KHĐT
120	Sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Tháng 9	Bộ KHĐT
121	Nghị định quy định chi tiết Luật Thủ đô quy định về quản lý, sử dụng không gian ngầm	Tháng 4	Bộ XD
122	Nghị định về cây xanh và công viên công cộng đô thị	Tháng 3	Bộ XD
V.	Nhóm nhiệm vụ về hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính		

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
123	Đề án Tổng kết 20 năm thực hiện mô hình tổ chức bộ máy của Chính phủ	Năm 2025	Bộ NV
124	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng	Năm 2025	Bộ NV
125	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 về tinh giản biên chế	Năm 2025	Bộ NV
126	Nghị định về chế độ, chính sách cán bộ, công chức, viên chức khi sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị	Năm 2025	Bộ NV
127	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Tháng 12	Bộ TC
128	Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, định hướng đến năm 2035	Tháng 12	Bộ TTTT
VI.	Nhóm nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh		
129	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2018/NĐ-CP ngày 30/5/2018 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang	Tháng 9	Bộ TC
VII.	Nhóm nhiệm vụ về công tác đối ngoại		
130	...		
XI.	Nhóm nhiệm vụ về công tác truyền thông, dân vận, tạo đồng thuận xã hội		

TT	NHIỆM VỤ	Thời hạn hoàn thành	Cơ quan chủ trì thực hiện
131	Chiến lược truyền thông quảng bá hình ảnh/ thương hiệu Việt Nam ra nước ngoài đến năm 2030	Tháng 7	Bộ TTTT
132	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2021/QĐ-TTg ngày 18/12/2021 của Chính phủ về mạng Bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Tháng 9	Bộ TTTT